Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **30**/2017/DS-ST
Ngày 09-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thành Sơn

Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2016/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp "hợp đồng dân sự góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1969 (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Đỗ Quốc H, sinh năm 1966 (vắng mặt)

2. Bà Lương Thị G, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: ấp I, xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2016, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 06/10/2016 và ngày 27/10/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị T trình bày:*

Vào ngày 25/6/2014 bà có mở và làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, hụi có 25 phần, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 1.000.000 đồng). Dây hụi này ông H, bà G tham gia 01 phần, góp hụi sống được 05 lần với số tiền 3.110.000 đồng, đến lần thứ 06 thì ông H, bà G bỏ thăm nên lĩnh hụi được số tiền 35.030.000 đồng, sau khi lĩnh hụi có góp hụi chết cho bà được 06 lần nên còn nợ lại 13 lần hụi chết với số tiền 26.000.000 đồng. Dây hụi này đến nay đã mãn.

Nay yêu cầu giải quyết buộc ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G phải trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 26.000.000đ *(Hai mươi sáu triệu đồng),* ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn bà Lê Thị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu ông H, bà G phải trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 12.000.000 đồng đúng như ý kiến thừa nhận nợ của ông H.

- Bị đơn ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn bà T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông H, bà G trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông H, bà G phải trả cho bà T số tiền hụi chết còn thiếu là 12.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G biết và quy đinh thời gian để bị đơn có ý kiến

về việc khởi kiện *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi"* của nguyên đơn bà Lê Thị T. Nhưng bị đơn ông H, bà G không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông H, bà G, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông H, bà G vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn ông H, bà G, nhưng bị đơn ông H, bà G vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông H, bà G, nhưng bị đơn ông H, bà G vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông H, bà G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Khi gửi đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu giải quyết buộc bị đơn ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G phải trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 26.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà T xác định bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G phải trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 12.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn bà Thanh đối với bị đơn ông H, bà G không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận xem xét yêu cầu thay đổi này của nguyên đơn bà T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà T thấy rằng, vào năm 2014 chỉ bị đơn bà G có tham gia góp 01 phần của dây hụi 2.000.000 đồng do nguyên đơn bà Lê Thị T làm chủ, hụi có 25 phần. Sau khi tham gia bị đơn bà G có góp hụi sống được vài lần thì bỏ thăm nên lĩnh hụi. Sau khi lĩnh hụi, bị đơn bà G có góp hụi chết được vài lần thì không góp nữa. Sau đó bà T làm đơn khởi kiện thì ông H, bà G có tiếp tục góp hụi chết được 1.500.000 đồng nên còn nợ lại bà T một khoản tiền hụi chết. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ buộc ông H, bà G phải trả cho bà số tiền hụi chết còn thiếu là 12.000.000 đồng như đã phân tích trên, đồng thời bản thân bị đơn ông H cũng đã thể hiện ý kiến đồng ý chịu trách nhiệm cùng bà G trả cho nguyên đơn bà T số tiền hụi chết còn thiếu là 12.000.000 đồng.

[3] Về trách nhiệm trả nợ: Xét thấy, tuy việc tham gia góp hụi chỉ nguyên đơn bà T và bị đơn bà G thực hiện giao dịch trực tiếp với nhau, việc này đã được bị đơn ông H thừa nhận. Hơn nữa, bản thân ông H cũng xác định số tiền hụi hiện nay vợ ông (bà G) còn thiếu nguyên đơn bà T là 12.000.000 đồng và ông cũng đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà G.

Vì vậy, nay ông H, bà G phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hụi còn thiếu là 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)*, vì đây là nghĩa vụ của thành viên góp hụi đối với chủ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 7, 8, 25, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì: Bị đơn ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G phải chịu **600.000** đồng (12.000.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 241 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 7, 8, 25, 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G phải trả cho bà Lê Thị T **12.000.000đ** *(Mười hai triệu đồng)* tiền hụi còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị T, nếu ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho bà Lê Thị T thì hàng tháng ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G còn phải trả tiền lãi cho bà Lê Thị T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Đỗ Quốc H, bà Lương Thị G phải chịu **600.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Lê Thị T 650.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000122 ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đ/s;
- VKS huyện, tỉnh;
- Toà án tỉnh KG;
- THADS huyện An Minh;
- Lưu HS, VP.

Phạm Thị Mỹ Linh